

Số: 2002/QĐ-ĐHSP

Thái Nguyên, ngày 08 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận kết quả thi môn năng khiếu Âm nhạc
của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM**

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-ĐHSP ngày 02 tháng 01 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm thành lập Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1485/QĐ-ĐHSP ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy chế tuyển sinh trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1490/QĐ-ĐHSP ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Thông tin tuyển sinh trình độ đại học năm 2025 của Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Kết quả thi môn Năng khiếu Âm nhạc của Hội đồng tuyển sinh tổ chức thi tại Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên năm 2025;



Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thi môn năng khiếu Âm nhạc tổ chức thi tại Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên năm 2025 (có bảng kết quả thi môn năng khiếu Âm nhạc kèm theo).

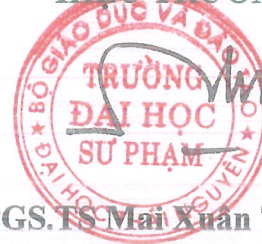
Điều 2. Kết quả thi môn Năng khiếu Âm nhạc là căn cứ để Hội đồng tuyển sinh cập nhật điểm thi năng khiếu cho ngành Sư phạm Âm nhạc vào cơ sở dữ liệu Công thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo, thực hiện công tác xét tuyển sinh đại học chính quy năm 2025.

Điều 3. Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *PP*

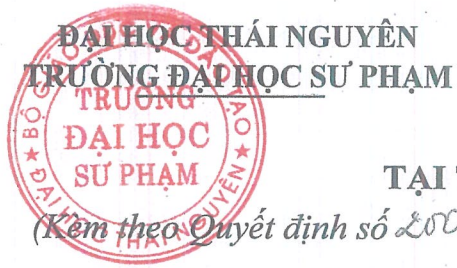
Nơi nhận: *Quê*

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để th/h);
- Công thông tin điện tử của Trường (để t/b);
- Lưu: VT, ĐT (06).

HIỆU TRƯỞNG



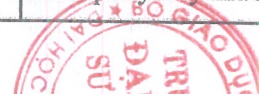
PGS.TS Mai Xuân Trường



**KẾT QUẢ THI MÔN NĂNG KHIẾU ÂM NHẠC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM - ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN NĂM 2025**

(Kèm theo Quyết định số 2002/QĐ-DHSP ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN)

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số CCCD	Giới tính	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
							Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
1	DTSAN001	Bùi Thị Vân	Anh	08.10.2006	019306*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
2	DTSAN007	Đoàn Việt	Anh	28.04.2006	008206*****	Nam	9,40	Chín phẩy bốn	9,50	Chín phẩy năm
3	DTSAN009	Đỗ Mỹ	Anh	06.01.2007	019307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	9,00	Chín chẵn
4	DTSAN002	Hà Minh	Anh	17.06.2007	019307*****	Nữ	9,50	Chín phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
5	DTSAN005	Hoàng	Anh	16.10.2007	006207*****	Nam	9,78	Chín phẩy bảy mươi tám	10	Mười chẵn
6	DTSAN004	Hoàng Châu	Anh	15.06.2005	062305*****	Nữ	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	9,00	Chín chẵn
7	DTSAN010	Hoàng Phương	Anh	05.06.2007	020307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
8	DTSAN011	Tạ Quỳnh	Anh	22.05.2007	019307*****	Nữ	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm
9	DTSAN013	Hoàng Ngọc	Ánh	13.06.2007	004307*****	Nữ	9,00	Chín chẵn	8,50	Tám phẩy năm
10	DTSAN014	Nguyễn Đăng Hoà	Bình	12.11.2007	024307*****	Nữ	9,65	Chín phẩy sáu mươi lăm	9,50	Chín phẩy năm
11	DTSAN023	Thân Văn Ngọc	Duy	21.08.2007	024207*****	Nam	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	9,00	Chín chẵn
12	DTSAN022	Hà Thị Ánh	Dương	08.10.2007	024307*****	Nữ	9,00	Chín chẵn	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
13	DTSAN016	Phương Văn	Đăng	18.06.2007	020207*****	Nam	9,00	Chín chẵn	9,00	Chín chẵn
14	DTSAN025	Hoàng Hà	Giang	20.10.2006	019306*****	Nữ	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	8,50	Tám phẩy năm
15	DTSAN112	Trần Thị Hà	Giang	25.09.2007	040307*****	Nữ	9,78	Chín phẩy bảy mươi tám	10	Mười chẵn



Qua

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số CCCD	Giới tính	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
							Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
16	DTSAN024	Trần Trà	Giang	28.08.2006	004306*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
17	DTSAN092	Bàn Đỗ Thu	Hà	16.11.2007	002307*****	Nữ	9,50	Chín phẩy năm	10	Mười chẵn
18	DTSAN026	Nguyễn Hồng	Hạnh	16.08.2007	024307*****	Nữ	9,00	Chín chẵn	8,50	Tám phẩy năm
19	DTSAN027	Nguyễn Hồng	Hạnh	04.09.2006	019306*****	Nữ	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	8,50	Tám phẩy năm
20	DTSAN030	Tăng Thị Mai	Hoa	05.01.2007	019307*****	Nữ	9,45	Chín phẩy bốn mươi lăm	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
21	DTSAN031	Và A	Hùng	11.07.2007	011207*****	Nam	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
22	DTSAN033	Nguyễn Quang	Huy	09.01.2007	019207*****	Nam	9,00	Chín chẵn	8,50	Tám phẩy năm
23	DTSAN032	Nguyễn Thiên	Hương	24.10.2007	026307*****	Nữ	9,65	Chín phẩy sáu mươi lăm	9,00	Chín chẵn
24	DTSAN034	Nguyễn Thị	Khanh	03.08.2001	001301*****	Nữ	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	8,50	Tám phẩy năm
25	DTSAN113	Lương Ngọc	Khánh	07.06.2007	008307*****	Nữ	9,78	Chín phẩy bảy mươi tám	10	Mười chẵn
26	DTSAN035	Hoàng Mỹ	Lan	18.10.2007	019307*****	Nữ	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	9,00	Chín chẵn
27	DTSAN037	Nguyễn Hoàng Bảo	Lân	10.01.2007	019207*****	Nam	8,63	Tám phẩy sáu mươi ba	8,50	Tám phẩy năm
28	DTSAN044	Lý Quang	Linh	30.12.2007	019207*****	Nam	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
29	DTSAN040	Ngô Thị Huyền	Linh	19.05.2007	019307*****	Nữ	9,78	Chín phẩy bảy mươi tám	10	Mười chẵn
30	DTSAN042	Nguyễn Thục	Linh	17.08.2007	001307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
31	DTSAN046	Phạm Thùy	Linh	23.07.2006	019306*****	Nữ	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	9,00	Chín chẵn
32	DTSAN039	Phạm Trần Khánh	Linh	08.09.2007	019307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
33	DTSAN038	Phí Ngọc	Linh	23.12.2007	019307*****	Nữ	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	8,75	Tám phẩy bảy mươi lăm
34	DTSAN043	Vũ Nhật	Linh	04.12.2003	019303*****	Nữ	9,65	Chín phẩy sáu mươi lăm	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Số CCCD	Giới tính	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
							Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
35	DTSAN047	Hoàng Thị	Loan	22.01.2007	006307*****	Nữ	9,50	Chín phẩy năm	9,00	Chín chẵn
36	DTSAN048	Dương Khánh	Ly	10.01.2007	036307*****	Nữ	8,78	Tám phẩy bảy mươi tám	9,00	Chín chẵn
37	DTSAN051	Lô Thuý	Ly	24.02.2007	004307*****	Nữ	9,00	Chín chẵn	9,50	Chín phẩy năm
38	DTSAN050	Nguyễn Thị Trang	Ly	01.01.2007	019307*****	Nữ	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	10	Mười chẵn
39	DTSAN052	Sùng Thị Xuân	Mai	09.05.2007	002307*****	Nữ	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	9,00	Chín chẵn
40	DTSAN054	Nguyễn Khánh	Minh	26.09.2007	006207*****	Nam	8,78	Tám phẩy bảy mươi tám	8,80	Tám phẩy tám
41	DTSAN053	Nguyễn Lê Anh	Minh	28.06.2007	019207*****	Nam	9,53	Chín phẩy năm mươi ba	10	Mười chẵn
42	DTSAN059	Lường Yến	Nhi	29.08.2007	011307*****	Nữ	8,78	Tám phẩy bảy mươi tám	8,50	Tám phẩy năm
43	DTSAN058	Ma Thị Hoài	Nhi	13.03.2007	019307*****	Nữ	9,50	Chín phẩy năm	9,00	Chín chẵn
44	DTSAN056	Trần Phương	Nhi	27.09.2007	019307*****	Nữ	9,78	Chín phẩy bảy mươi tám	10	Mười chẵn
45	DTSAN061	Sùng Bích	Phấn	08.06.2007	012307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
46	DTSAN062	Mai Xuân	Phú	08.04.2007	019207*****	Nam	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
47	DTSAN063	Bùi Vũ Thảo	Phương	21.08.2007	036307*****	Nữ	9,38	Chín phẩy ba mươi tám	10	Mười chẵn
48	DTSAN064	Nguyễn Hải	Phương	31.01.2005	010305*****	Nữ	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	8,50	Tám phẩy năm
49	DTSAN067	Hoàng Như	Quỳnh	14.07.2007	010307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,50	Tám phẩy năm
50	DTSAN080	Tô Viết	Tuân	18.10.2007	019207*****	Nam	9,00	Chín chẵn	8,50	Tám phẩy năm
51	DTSAN069	Lý Văn	Thái	23.04.2007	006207*****	Nam	9,50	Chín phẩy năm	9,00	Chín chẵn
52	DTSAN073	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	29.10.2007	019307*****	Nữ	8,88	Tám phẩy tám mươi tám	9,00	Chín chẵn
53	DTSAN074	Thào A	Thu	14.08.2007	011207*****	Nam	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm	9,50	Chín phẩy năm

Đm

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Số CCCD	Giới tính	Môn Năng khiếu Âm nhạc 1 (Nội dung Hát)		Môn Năng khiếu Âm nhạc 2 (Nội dung Đọc nhạc và Lý thuyết âm nhạc)	
						Điểm	Điểm bằng chữ	Điểm	Điểm bằng chữ
54	DTSAN076	Nông Thu Thuý	21.02.2007	008307*****	Nữ	9,13	Chín phẩy mười ba	9,00	Chín chẵn
55	DTSAN075	Nguyễn Phương Thuý	18.04.2007	010307*****	Nữ	9,78	Chín phẩy bảy mươi tám	10	Mười chẵn
56	DTSAN077	Vương Bích Thủy	23.01.2007	002307*****	Nữ	9,00	Chín chẵn	9,50	Chín phẩy năm
57	DTSAN114	Nguyễn Thị Anh Thư	27.01.2007	030307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
58	DTSAN083	Phạm Tổ Uyên	13.09.2007	019307*****	Nữ	9,00	Chín chẵn	9,00	Chín chẵn
59	DTSAN087	Lưu Quang Vinh	18.11.2007	019207*****	Nam	9,00	Chín chẵn	8,50	Tám phẩy năm
60	DTSAN086	Vũ Huy Vinh	29.06.2007	027207*****	Nam	9,00	Chín chẵn	9,00	Chín chẵn
61	DTSAN088	Hà Yến Vy	05.09.2007	008307*****	Nữ	9,25	Chín phẩy hai mươi lăm	9,50	Chín phẩy năm
62	DTSAN089	Đinh Thị Thanh Xuân	07.02.2007	015307*****	Nữ	8,50	Tám phẩy năm	8,65	Tám phẩy sáu mươi lăm
63	DTSAN091	Nguyễn Hải Yến	28.01.2007	019307*****	Nữ	9,50	Chín phẩy năm	9,50	Chín phẩy năm

Ấn định danh sách có: 63 thí sinh./.

Am L